

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán

Số tín chỉ: 3

Mã học phần: 71ACCT20023

Mã nhóm lớp học phần: 232\_71ACCT20023\_15->19

Thời gian làm bài: 75 phút

Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận

SV được tham khảo tài liệu:

Có  (chỉ được sử dụng tài liệu giấy)

Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

Dự phòng

I. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO (phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần) Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	30%	Câu 1,2,3,4,5,6,7,14,19,20	3	PI1.1
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm	40%	Câu 8,9,10,11,12,13,15,16,17,18	4	PI2.1
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI4.1

(Phần công bố cho sinh viên)

**I. Thông tin chung**

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71ACCT20023	Mã nhóm lớp học phần: 232_71ACCT20023_15->19
Thời gian làm bài: 75 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> chỉ được sử dụng tài liệu giấy Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/> Dự phòng <input checked="" type="checkbox"/>

**II. Nội dung câu hỏi thi**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)**

**Câu 1: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu :** Thông tin về tình hình tài chính của công ty ANY như sau, hãy cho biết tổng nguồn vốn của công ty là bao nhiêu?

**Đơn vị tính: Đồng**

Phải trả người lao động	25.000.000	Phải trả cho người bán	20.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	60.000.000	Vay	55.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	530.000.000	Phải thu khách hàng	75.000.000
Công cụ dụng cụ	25.000.000	Hàng hóa	30.000.000
Tài sản cố định hữu hình	530.000.000	Tiền gửi ngân hàng	70.000.000
Hao mòn tài sản cố định	130.000.000	Tiền mặt	90.000.000

- A. 690.000.000 đồng  
B. 875.000.000 đồng  
C. 950.000.000 đồng  
D. 635.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu :** Thông tin về tình hình tài chính của công ty G&M như sau, hãy cho biết nguồn vốn của công ty là bao nhiêu?

**Đơn vị tính: Đồng**

Phải trả người lao động	25.000.000	Phải trả cho người bán	20.000.000
-------------------------	------------	------------------------	------------

Lợi nhuận chưa phân phối	75.000.000	Vay	140.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	640.000.000	Phải thu khách hàng	115.000.000
Công cụ dụng cụ	45.000.000	Hàng hóa	40.000.000
Tài sản cố định hữu hình	600.000.000	Tiền gửi ngân hàng	100.000.000
Hao mòn tài sản cố định	90.000.000	Tiền mặt	90.000.000

- A. 900.000.000 đồng
- B. 800.000.000 đồng
- C. 955.000.000 đồng
- D. 965.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu 2: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu :** Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây làm cho tổng tài sản và tổng nguồn vốn của phương trình kế toán cùng **TĂNG**:

- A. Nhận vốn góp bằng tài sản cố định hữu hình trị giá 500 triệu đồng
- B. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 80 triệu đồng
- C. Khách hàng trả nợ bằng tiền gửi ngân hàng 70 triệu đồng
- D. Chi tiền mặt trả nợ vay ngắn hạn 100 triệu đồng

ANSWER: A

**Câu :** Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây làm cho tổng tài sản và tổng nguồn vốn của phương trình kế toán cùng **GIẢM**:

- A. Chuyển khoản trả nợ vay ngắn hạn 150 triệu đồng
- B. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng 18 triệu đồng
- C. Mua hàng hóa chưa trả tiền người bán 35 triệu đồng
- D. Vay ngân hàng trả nợ người bán 60 triệu đồng

ANSWER: A

**Câu 3: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu :** Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán lương tháng trước cho nhân viên 75.000.000 đồng” ảnh hưởng như thế nào đến phương trình kế toán?

- A. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn cùng giảm 75.000.000 đồng
- B. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn cùng tăng 75.000.000 đồng
- C. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn không thay đổi

D. Làm cho tổng Tài sản giảm 75.000.000 đồng và Nguồn vốn tăng 75.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu :** Nghiệp vụ “Vay ngân hàng trả nợ người bán 70.000.000 đồng” ảnh hưởng như thế nào đến phương trình kế toán?

A. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn không thay đổi

B. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn cùng tăng 70.000.000 đồng

C. Làm cho tổng Tài sản và Nguồn vốn cùng giảm 70.000.000 đồng

D. Làm cho tổng Tài sản tăng 70.000.000 đồng và Nguồn vốn giảm 70.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu 4: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu:** Ngày 31/12/202X, công ty M mua một thiết bị sản xuất với giá mua là 600.000.000 đồng, chưa thanh toán. Chi phí vận chuyển thiết bị về nhập kho được chi bằng tiền tạm ứng là 10.000.000 đồng. Chi phí lắp đặt chạy thử là 20.000.000 đồng, đã trả bằng tiền mặt. Dựa trên nguyên tắc giá gốc, công ty M báo cáo giá trị tài sản trên bảng bao nhiêu?

A. 630.000.000 đồng

B. 600.000.000 đồng

C. 610.000.000 đồng

D. 620.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu:** Công ty X sản xuất một máy lọc nước trong tháng 2, trưng bày nó trong quầy bán lẻ của công ty vào tháng 3. Tháng 4, Ông Hải, một khách hàng, ký hợp đồng mua chiếc máy đó và cam kết sẽ thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận máy. Chiếc máy được giao cho ông Hải vào tháng 5. Đến tháng 6, thì ông Hải chuyển khoản thanh toán đủ tiền. Tuân thủ nguyên tắc ghi nhận doanh thu, kế toán của công ty X ghi nhận doanh thu vào tháng nào?

A. Tháng 5

B. Tháng 3

C. Tháng 4

D. Tháng 6

ANSWER: A

**Câu 5: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu:** Ngày 31/12/202X, công ty K có tình hình tài chính như sau, hãy cho biết tổng tài sản ngắn hạn và tổng tài sản dài hạn của công ty K là bao nhiêu?

*Đơn vị tính: Đồng*

<b>Phải trả người lao động</b>	<b>150.000.000</b>	<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>150.000.000</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>250.000.000</b>	<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>200.000.000</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>Vay</b>	<b>100.000.000</b>
<b>Công cụ dụng cụ</b>	<b>50.000.000</b>	<b>Hàng hóa</b>	<b>100.000.000</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>300.000.000</b>
<b>Hao mòn tài sản cố định</b>	<b>300.000.000</b>	<b>Tiền mặt</b>	<b>250.000.000</b>

A. Tổng tài sản ngắn hạn: 900.000.000 đồng và tổng tài sản dài hạn: 950.000.000 đồng

B. Tổng tài sản ngắn hạn: 900.000.000 đồng và tổng tài sản dài hạn: 1.550.000.000 đồng

C. Tổng tài sản ngắn hạn: 1.500.000.000 đồng và tổng tài sản dài hạn: 950.000.000 đồng

D. Tổng tài sản ngắn hạn: 600.000.000 đồng và tổng tài sản dài hạn: 1.550.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu: Ngày 31/12/202X, công ty D có tình hình tài chính như sau, hãy cho biết tổng nợ phải trả và tổng vốn chủ sở hữu của công ty D là bao nhiêu?**

*Đơn vị tính: Đồng*

<b>Phải trả người lao động</b>	<b>150.000.000</b>	<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>150.000.000</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>250.000.000</b>	<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>200.000.000</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>Vay</b>	<b>100.000.000</b>
<b>Công cụ dụng cụ</b>	<b>50.000.000</b>	<b>Hàng hóa</b>	<b>100.000.000</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>1.150.000.000</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>300.000.000</b>
<b>Hao mòn tài sản cố định</b>	<b>300.000.000</b>	<b>Tiền mặt</b>	<b>250.000.000</b>

A. Tổng Nợ phải trả: 400.000.000 đồng và tổng Vốn chủ sở hữu: 1.350.000.000 đồng

B. Tổng Nợ phải trả: 600.000.000 đồng và tổng Vốn chủ sở hữu: 1.350.000.000 đồng

C. Tổng Nợ phải trả: 650.000.000 đồng và tổng Vốn chủ sở hữu: 1.100.000.000 đồng

D. Tổng Nợ phải trả: 900.000.000 đồng và tổng Vốn chủ sở hữu: 850.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu 6: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu: Trong kỳ phát sinh nghiệp vụ kinh tế: Nợ TK 131: 500.000.000; Nợ TK 112: 200.000.000/ Có TK 511: 700.000.000**

Vậy cuối kỳ, kế toán khóa sổ tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định kết quả kinh doanh là:

- A. Nợ TK 511: 700.000.000/ Có TK 911: 700.000.000
- B. Nợ TK 911: 200.000.000/ Có TK 511: 200.000.000
- C. Nợ TK 911: 500.000.000/ Có TK 511: 500.000.000
- D. Nợ TK 511: 500.000.000/ Có TK 911: 500.000.000

ANSWER: A

**Câu:** Trong kỳ phát sinh nghiệp vụ kinh tế: Nợ TK 111: 5.000.000; Nợ TK 112: 20.000.000/ Có TK 515: 25.000.000

Vậy cuối kỳ, kế toán khóa sổ tài khoản “Doanh thu hoạt động tài chính” để xác định kết quả kinh doanh là:

- A. Nợ TK 515: 25.000.000/ Có TK 911: 25.000.000
- B. Nợ TK 515: 5.000.000/ Có TK 911: 5.000.000
- C. Nợ TK 515: 20.000.000/ Có TK 911: 20.000.000
- D. Nợ TK 911: 25.000.000/ Có TK 515: 25.000. 000

ANSWER: A

**Câu 7: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu:** Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm N, chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” là (700.000.000) đồng. Với kết quả kinh doanh như vậy sẽ làm cho chỉ tiêu “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N của công ty sẽ:

- A. Giảm 700.000.000 đồng
- B. Bằng 700.000.000 đồng
- C. Tăng 700.000.000 đồng
- D. Không thay đổi

ANSWER: A

**Câu:** Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm N, chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” là 120.000.000 đồng. Với kết quả kinh doanh như vậy sẽ làm cho chỉ tiêu “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N của công ty sẽ:

- A. Tăng 120.000.000 đồng
- B. Bằng 120.000.000 đồng
- C. Giảm 120.000.000 đồng
- D. Không thay đổi

ANSWER: A

**Câu 8: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu :** Nghiệp vụ “Nhận giấy báo có 20 triệu đồng do khách hàng thanh toán tiền nợ tháng trước” được kế toán ghi sổ nhật ký như thế nào?

- A. Nợ TK 112 / Có TK 131
- B. Nợ TK 131 / Có TK 112
- C. Nợ TK 331 / Có TK 112
- D. Nợ TK 112 / Có TK 331

ANSWER: A

**Câu :** Nghiệp vụ “Vay ngắn hạn ngân hàng 80 triệu đồng trả lương nhân viên tháng trước” được kế toán ghi sổ nhật ký như thế nào?

- A. Nợ TK 334/ Có TK 341
- B. Nợ TK 341/ Có TK 334
- C. Nợ TK 331/ Có TK 341
- D. Nợ TK 341/ Có TK 331

ANSWER: A

**Câu 9: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu :** Ngày 07/04/N, công ty Y xuất kho hàng hóa gồm 120 sản phẩm bán cho khách hàng A với giá bán 5.000.000 đồng/sp, giá xuất kho 2.600.000 đồng/sp. Khách hàng A chưa thanh toán tiền. Kế toán công ty Y ghi sổ nhật ký nghiệp vụ ngày 07/04/N như thế nào?

A.

Nợ TK 632	312.000.000	à	Nợ TK 131	600.000.000
Có TK 156	312.000.000		Có TK 511	600.000.000

B.

Nợ TK 632	600.000.000	à	Nợ TK 131	312.000.000
Có TK 156	600.000.000		Có TK 511	312.000.000

C.

Nợ TK 632	312.000.000	à	Nợ TK 131	600.000.000
Có TK 511	312.000.000		Có TK 155	600.000.000

D.

Nợ TK 131	312.000.000	à	Nợ TK 632	600.000.000
Có TK 156	312.000.000		Có TK 511	600.000.000

ANSWER: A

**Câu :** Ngày 02/06/N, công ty Y xuất kho hàng hóa gồm 120 sản phẩm bán cho khách hàng A với giá bán 5.500.000 đồng/sp, giá xuất kho 2.640.000 đồng/sp. Khách hàng A chưa

thanh toán tiền. Kế toán công ty Y ghi sổ nhật ký nghiệp vụ ngày 02/06/N như thế nào?

A.

Nợ TK 632	316.800.000	à	Nợ TK 131	660.000.000
Có TK 156	316.800.000		Có TK 511	660.000.000

B.

Nợ TK 632	660.000.000	à	Nợ TK 131	316.800.000
Có TK 156	660.000.000		Có TK 511	316.800.000

C.

Nợ TK 632	316.800.000	à	Nợ TK 131	660.000.000
Có TK 511	316.800.000		Có TK 155	660.000.000

D.

Nợ TK 131	316.800.000	à	Nợ TK 632	660.000.000
Có TK 156	316.800.000		Có TK 511	660.000.000

ANSWER: A

**Câu 10: (random 1 trong 2 câu)**

Câu : Ngày 01/05/N, công ty M ký hợp đồng cho khách hàng N thuê một xe tải chở hàng trong vòng 2 năm bắt đầu từ tháng 05/N, với giá cho thuê 8.000.000 đồng/tháng. Công ty M đã nhận được tiền khách hàng N chuyển khoản thanh toán trước tiền thuê xe tải trong năm đầu tiên. Kế toán công ty M ghi sổ nhật ký nghiệp vụ ngày 01/05/N như thế nào? Biết rằng kỳ kế toán công ty là tháng.

A.

Nợ TK 112	96.000.000	à	Có TK 3387	96.000.000
Có TK 112	96.000.000		Có TK 3387	96.000.000

B.

Nợ TK 112	8.000.000	à	Có TK 511	8.000.000
Có TK 112	8.000.000		Có TK 511	8.000.000

C.

Nợ TK 3387	8.000.000	à	Có TK 112	8.000.000
Có TK 3387	8.000.000		Có TK 112	8.000.000



Có TK 511	8.000.000
-----------	-----------

**D.**

Nợ TK 112	192.000.000
Có TK 511	192.000.000

ANSWER: A

**Câu :** Ngày 01/07/N, công ty M ký hợp đồng cho khách hàng N thuê một xe tải chở hàng trong vòng 2 năm bắt đầu từ tháng 07/N, với giá cho thuê 10.000.000 đồng/tháng. Công ty M đã nhận được tiền khách hàng N chuyển khoản thanh toán trước tiền thuê xe tải trong năm đầu tiên. Kế toán công ty M ghi sổ nhật ký nghiệp vụ ngày 01/07/N như thế nào? Biết rằng kỳ kế toán công ty là tháng.

**A.**

Nợ TK 112	120.000.000
Có TK 3387	120.000.000

**B.**

Nợ TK 112	10.000.000
Có TK 511	10.000.000

**C.**

Nợ TK 3387	10.000.000
Có TK 511	10.000.000

**D.**

Nợ TK 112	240.000.000
Có TK 511	240.000.000

ANSWER: A

**Câu 11: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu :** Công ty XYZ có tình hình kế toán như sau: (Đơn vị tính: Nghìn đồng)

<b>TK 112</b>		<b>TK 131</b>		<b>TK 156</b>	
<u>130.000</u>		<u>35.000</u>		<u>115.000</u>	
(c) 85.000	40.000 (e)	(g) 55.000	32.000 (d)	(f) 70.000	
(d) 32.000	70.000 (f)				45.000 (h)
<b>TK 331</b>		<b>TK 632</b>		<b>TK 511</b>	
	<u>72.000</u>				
(e) 40.000		(h) 45.000			85.000 (c)
					55.000 (g)

Hãy cho biết nội dung kinh tế của **ng nghiệp vụ (g)** trong sơ đồ chữ “T” các tài khoản trên:

- A. Bán 1 lô hàng cho khách hàng trị giá 55.000.000 đồng, khách hàng chưa thanh toán tiền
- B. Mua một lô hàng hóa nhập kho trị giá 55.000.000 đồng, chưa trả tiền người bán
- C. Vay ngân hàng để mua 1 lô hàng hóa trị giá 55.000.000 đồng
- D. Chuyển khoản mua một lô hàng hóa nhập kho trị giá 55.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu :** Công ty XYZ có tình hình kế toán như sau: (Đơn vị tính: Nghìn đồng)

<b>TK 112</b>		<b>TK 131</b>		<b>TK 156</b>	
<u>130.000</u>		<u>35.000</u>		<u>115.000</u>	
(c) 85.000	40.000 (e)	(g) 55.000	32.000 (d)	(f) 70.000	
(d) 32.000	70.000 (f)				45.000 (h)
<b>TK 331</b>		<b>TK 632</b>		<b>TK 511</b>	
	<u>72.000</u>				
(e) 40.000		(h) 45.000			85.000 (c)
					55.000 (g)

Hãy cho biết nội dung kinh tế của **ng nghiệp vụ (h)** trong sơ đồ chữ “T” các tài khoản trên:

- A. Xuất kho 1 lô hàng hóa trị giá 45.000.000 đồng bán cho khách hàng
- B. Công ty chuyển khoản 45.000.000 đồng thanh toán tiền cho người bán
- C. Vay ngân hàng để mua 1 lô hàng hóa trị giá 45.000.000 đồng
- D. Mua một lô hàng hóa nhập kho trị giá 45.000.000 đồng chưa thanh toán cho người bán

ANSWER: A

**Câu 12: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu :** Công ty XYZ có tình hình kế toán như sau: (Đơn vị tính: đồng)

TK 242			TK 414		
Nợ		Có	Nợ		Có
	<b>80.000.000</b>				<b>80.000.000</b>
(02/06)	70.000.000				75.000.000 (12/06)
		30.000.000 (03/06)	(13/06)	35.000.000	
		20.000.000 (16/06)			
<hr/>			<hr/>		
<hr/>			<hr/>		

Số dư cuối kỳ của TK 242 và TK 414 lần lượt là:

- A. 100.000.000 đồng và 120.000.000 đồng
- B. 60.000.000 đồng và 40.000.000 đồng
- C. 120.000.000 đồng và 100.000.000 đồng
- D. 40.000.000 đồng và 60.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu : Công ty XYZ có tình hình kế toán như sau: (Đơn vị tính: đồng)

TK 155			TK 331		
Nợ		Có	Nợ		Có
	<b>350.000.000</b>				<b>120.000.000</b>
(02/06)	150.000.000				75.000.000 (12/06)
		80.000.000 (03/06)	(13/06)	45.000.000	
		60.000.000 (16/06)	(18/06)	55.000.000	
<hr/>			<hr/>		
<hr/>			<hr/>		

Số dư cuối kỳ của TK 155 và TK 331 lần lượt là:

- A. 360.000.000 đồng và 95.000.000 đồng
- B. 340.000.000 đồng và 145.000.000 đồng
- C. 95.000.000 đồng và 360.000.000 đồng
- D. 145.000.000 đồng và 340.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu 13: (random 1 trong 2 câu)**

Câu : Kế toán của công ty Y đã ghi sổ nhật ký như sau:

Nợ TK 334	200.0		
		00.000	
			200.0
	Có		
TK 341			00.000

**Nội dung kinh tế của bút toán nhật ký trên là:**

- A. Công ty vay ngân hàng 200.000.000 đồng thanh toán lương tháng trước cho nhân viên
- B. Công ty vay ngân hàng 200.000.000 đồng thanh toán nợ cho người bán
- C. Công ty chuyển khoản 200.000.000 đồng thanh toán khoản nợ vay ngân hàng
- D. Công ty chuyển khoản 200.000.000 đồng thanh toán lãi vay ngân hàng

ANSWER: A

**Câu : Kế toán của công ty Y đã ghi sổ nhật ký như sau:**

Nợ TK 211	225.000.000	
		Có TK 331
		225.000.000

**Nội dung kinh tế của bút toán nhật ký trên là:**

- A. Mua 1 tài sản cố định dùng cho phân xưởng trị giá 225.000.000 đồng, chưa trả tiền người bán
- B. Mua tài sản cố định trị giá 225.000.000 đồng trả ngay bằng tiền gửi ngân hàng
- C. Vay ngân hàng 225.000.000 đồng để mua 1 tài sản cố định dùng cho phân xưởng
- D. Trích khấu hao tài sản cố định của tháng này là 225.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu 14: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu : Ngày 1/01/N, tài khoản “Hàng hóa” có số dư là 500.000.000 đồng. Trong tháng 01/N, tổng số phát sinh bên Có là 100.000.000 đồng, tổng số phát sinh bên Nợ là 500.000.000 đồng. Số dư tài khoản “Hàng hóa” vào ngày 31/01/N là bao nhiêu?**

- A. 900.000.000 đồng
- B. 100.000.000 đồng
- C. 1.100.000.000 đồng
- D. 600.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu : Ngày 31/1/N, tài khoản “Tiền gửi ngân hàng” có số dư là 100.000.000 đồng. Trong tháng 1/N, tổng số phát sinh bên Có là 45.000.000 đồng, tổng số phát sinh bên Nợ là 60.000.000 đồng. Số dư tài khoản “Tiền gửi ngân hàng” vào ngày 1/1/N là bao nhiêu?**

- A. 85.000.000 đồng
- B. 115.000.000 đồng
- C. 160.000.000 đồng
- D. 145.000.000 đồng

ANSWER: A

**Câu 15: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu:** Ngày 1/6/N, công ty FPT ký hợp đồng cung cấp dịch vụ internet cho khách hàng X trong 1 năm (bắt đầu từ ngày 01/06/N) với mức phí 700.000 đồng/tháng và tiền sẽ thu hết một lần vào ngày kết thúc hợp đồng (31/05/N+1). Kế toán công ty FPT ghi nhận bút toán điều chỉnh cho kỳ kế toán năm, kết thúc vào ngày 31/12/N như thế nào?

A. Nợ TK 131 4.900.000

Có TK 511 4.900.000

B. Nợ TK 112 4.900.000

Có TK 3387 4.900.000

C. Nợ TK 3387 700.000

Có TK 511 700.000

D. Nợ TK 131 700.000

Có TK 511 700.000

ANSWER: A

**Câu:** Ngày 1/08/N, công ty FPT ký hợp đồng cung cấp dịch vụ internet cho khách hàng X trong 1 năm (bắt đầu từ ngày 1/08/N) với mức phí 1.200.000 đồng/tháng và tiền sẽ thu hết một lần vào ngày kết thúc hợp đồng (31/07/N+1). Kế toán công ty A ghi nhận bút toán điều chỉnh cho kỳ kế toán năm, kết thúc vào ngày 31/12/N như thế nào?

A. Nợ TK 131 6.000.000

Có TK 511 6.000.000

B. Nợ TK 112 6.000.000

Có TK 511 6.000.000

C. Nợ TK 3387 1.200.000

Có TK 511 1.200.000

D. Nợ TK 131 1.200.000

Có TK 511 1.200.000

ANSWER: A

**Câu 16: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu:** Ngày 1/1/N, công ty A mua một 1 máy photo sử dụng cho bộ phận bán hàng với giá 32.000.000 đồng, chi phí vận chuyển 500.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 5 năm. Kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh cho kỳ kế toán năm kết thúc vào ngày 31/12/N như thế nào?

- A. Nợ TK 641      6.500.000  
                             Có TK 214                      6.500.000
- B. Nợ TK 642      6.500.000  
                             Có TK 214                      6.500.000
- C. Nợ TK 641      6.400.000  
                             Có TK 214                      6.400.000
- D. Nợ TK 642      6.400.000  
                             Có TK 214                      6.400.000

ANSWER: A

**Câu: Ngày 1/7/N, công ty A mua một 1 máy photo sử dụng cho bộ phận bán hàng với giá 32.000.000 đồng, chi phí vận chuyển 500.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 5 năm. Kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh cho kỳ kế toán năm kết thúc vào ngày 31/12/N như thế nào?**

- A. Nợ TK 641      3.250.000  
                             Có TK 214                      3.250.000
- B. Nợ TK 642      3.250.000  
                             Có TK 214                      3.250.000
- C. Nợ TK 641      3.200.000  
                             Có TK 214                      3.200.000
- D. Nợ TK 642      3.200.000  
                             Có TK 214                      3.200.000

ANSWER: A

**Câu 27: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu: Bút toán điều chỉnh “Chi phí trả trước phát sinh liên quan đến nhiều kỳ kế toán” sẽ làm cho:**

- A. Tăng chi phí, giảm tài sản (chi phí trả trước)
- B. Tăng chi phí, tăng tài sản (chi phí trả trước)
- C. Giảm chi phí, giảm tài sản (chi phí trả trước)
- D. Giảm chi phí, tăng tài sản (chi phí trả trước)

ANSWER: A

**Câu: Bút toán điều chỉnh “Trích khấu hao tài sản cố định” sẽ làm cho:**

- A. Tăng chi phí, tăng hao mòn tài sản cố định

- B. Tăng chi phí, giảm hao mòn tài sản cố định
- C. Giảm chi phí, tăng hao mòn tài sản cố định
- D. Giảm chi phí, tăng hao mòn tài sản cố định

ANSWER: A

**Câu 19: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu :** Công ty XYZ mua hàng hóa nhập kho với thông tin chi tiết sau: 60 cái tủ gỗ, giá mua 3.000.000 đồng/cái. Do mua với số lượng nhiều nên công ty được hưởng chiết khấu 2% trên giá mua. Công ty chưa thanh toán tiền hàng cho người bán. Chi phí vận chuyển hàng về kho đã thanh toán bằng tiền mặt 2.000.000 đồng. Hãy xác định giá trị nhập kho của lô hàng này.

- A. 178,400.000 đồng
- B. 182.000.000 đồng
- C. 176.400.000 đồng
- D. 185.600.000 đồng

ANSWER: A

**Câu :** Công ty XYZ mua hàng hóa nhập kho với thông tin chi tiết sau: 60 cái tủ gỗ, giá mua 3.200.000 đồng/cái. Do mua với số lượng nhiều nên công ty được hưởng chiết khấu 3% trên giá mua. Công ty chưa thanh toán tiền hàng cho người bán. Chi phí vận chuyển hàng về kho đã thanh toán bằng tiền mặt 2.500.000 đồng. Hãy xác định giá trị nhập kho của lô hàng này.

- A. 188.740.000 đồng
- B. 186.240.000 đồng
- C. 192.000.000 đồng
- D. 194.500.000 đồng

ANSWER: A

**Câu 20: (random 1 trong 2 câu)**

**Câu:** Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ...:

- A. Trừ đi các khoản làm giảm trừ doanh thu
- B. Trừ đi giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng
- C. Trừ đi giá vốn hàng bán
- D. Trừ đi các khoản làm giảm trừ doanh thu và giá vốn hàng bán

ANSWER: A

**Câu:** Khoản nào dưới đây không phải là khoản làm giảm trừ doanh thu:

- A. Chiết khấu thanh toán

- B. Giảm giá hàng bán
- C. Hàng bán bị trả lại
- D. Chiết khấu thương mại

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (3.0 điểm)** (Random 1 trong 2 câu)

**Chọn 1 trong 2:**

Công ty TNHH Gia Bảo được thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 1/1/2023, công ty chuyên cung cấp máy điều hòa nhiệt độ.

Một số thông tin tài chính và chính sách công ty như sau:

- Áp dụng kỳ kế toán tháng;
- Áp dụng hệ thống kê khai thường xuyên trong việc quản lý hàng tồn kho;
- Áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước trong việc tính và ghi nhận giá xuất kho;
- Số dư tại ngày 1/12/2023 của tất cả các tài khoản kế toán tại công ty như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Tiền mặt	43.000.000	
Tiền gửi ngân hàng	520.000.000	
Hàng hóa	450.000.000	Đơn giá: 8.000.000/máy x 50 máy điều hòa nhiệt độ
Công cụ dụng cụ	27.000.000	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	200.000.000	
Vốn đầu tư của chủ ở hữu	550.000.000	
Phải trả công nhân viên	90.000.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100.000.000	

1. Ngày 1, chuyển khoản thanh toán tiền lương tháng trước cho nhân viên
2. Ngày 8 xuất kho một số công cụ trị giá 23.000.000 đồng sử dụng ngay tại bộ phận bán hàng trong tháng này
3. Ngày 19, xuất kho ½ số hàng hóa hiện có trong kho bán cho khách hàng với giá bán 11.000.000 đồng/máy, chưa thu tiền khách hàng
4. Ngày 30, nhận được thông báo từ phía ngân hàng VCB về số tiền lãi tiết kiệm tháng 12/2023 là 15.000.000 đồng, ngân hàng đã chuyển trả lãi vào tài khoản thanh toán của công ty.
5. Ngày 31: kế toán tính và ghi nhận chi phí tiền lương phải trả tháng này, cụ thể: lương nhân viên bán hàng 35.000.000 đồng, lương của các phòng ban quản lý doanh nghiệp 40.000.000 đồng

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12/2023



## **ĐÁP ÁN**

### **1. (0.5 điểm)**

Nợ TK 334      90.000.000  
    Có TK 112      90.000.000

### **2. (0.5 điểm)**

Nợ TK 641      23.000.000  
    Có TK 153      23.000.000

### **3. Ghi nhận doanh thu bán hàng (0.5 điểm)**

Nợ TK 131      275.000.000  
    Có TK 511      275.000.000

### **Ghi nhận giá vốn hàng bán (0.5 điểm)**

Nợ TK 632      200.000.000  
    Có TK 156      200.000.000

### **4. (0.5 điểm)**

Nợ TK 112      15.000.000  
    Có TK 515      15.000.000

### **5. (0.5 điểm)**

Nợ TK 641      35.000.000  
Nợ TK 642      40.000.000  
    Có TK 334      75.000.000

**1b. Công ty TNHH Gia Long được thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 1/7/2022, công ty chuyên nhập khẩu và phân phối các loại sữa cho trẻ em**

**Một số thông tin tài chính và chính sách công ty như sau:**

- Áp dụng kỳ kế toán tháng;
- Áp dụng hệ thống kê khai thường xuyên trong việc quản lý hàng tồn kho;
- Áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước trong việc tính và ghi nhận giá xuất kho;
- Số dư tại ngày 1/1/2023 của tất cả các tài khoản kế toán tại công ty như sau:

<b>TÀI KHOẢN</b>	<b>SỐ TIỀN</b>	<b>GHI CHÚ</b>
Tiền mặt	48.000.000	
Tiền gửi ngân hàng	400.000.000	
Hàng hóa	500.000.000	Đơn giá: 500.000/hộp x 1.000 hộp

Công cụ dụng cụ	52.000.000	
Phải trả người bán	190.000.000	
Vốn đầu tư của chủ ở hữu	560.000.000	
Phải trả công nhân viên	110.000.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	140.000.000	

- Ngày 1**, chuyển khoản thanh toán nợ tháng trước cho người bán
- Ngày 5**, chuyển khoản thanh toán tiền lương tháng trước cho nhân viên
- Ngày 15**, xuất kho  $\frac{1}{2}$  số hàng hóa hiện có trong kho bán cho khách hàng với giá bán 800.000 đồng/hộp, thu ngay bằng tiền gửi ngân hàng
- Ngày 20**, nhận được thông báo từ phía ngân hàng Vietinbank về số tiền lãi tiết kiệm tháng 12/2023 là 35.000.000 đồng, ngân hàng đã chuyển trả lãi vào tài khoản thanh toán của công ty.
- Ngày 31**: kê toán tính và ghi nhận chi phí tiền lương phải trả tháng này, cụ thể: lương nhân viên bán hàng 55.000.000 đồng, lương của các phòng ban quản lý doanh nghiệp 50.000.000 đồng

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12/2023

***ĐÁP ÁN***

**I. (0.5 điểm)**

Nợ TK 331      190.000.000

    Có TK 112      190.000.000

**2. (0.5 điểm)**

Nợ TK 334      110.000.000

    Có TK 112      110.000.000

**3. Ghi nhận doanh thu bán hàng (0.5 điểm)**

Nợ TK 131      400.000.000

    Có TK 511      400.000.000

**Ghi nhận giá vốn hàng bán (0.5 điểm)**

Nợ TK 632      250.000.000

    Có TK 156      250.000.000

**4. (0.5 điểm)**

Nợ TK 112      20.000.000

    Có TK 515      20.000.000

5. (0.5 điểm)

Nợ TK 641      55.000.000

Nợ TK 642      50.000.000

Có TK 334      105.000.000

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2024*

**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**



**ThS. Phan Minh Nguyệt**

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**



**ThS. Phạm Nguyễn Thanh Thủy**